

## DU-GIÀ SỬ ĐỊA LUẬN LƯỢC TOẢN

### QUYỂN 6

(Bản Luận 13, 14, 15)

#### BẢN LUẬN 13

Đoạn thứ tư của Địa, giải thích nghĩa thứ năm Tông yếu của các kinh trong Chúng tạp sự, có hai đoạn:

1. Nêu Tông yếu.
2. Giải thích nghĩa chữ tạp.

Văn phân hai phần:

1. Mười một chữ “lại nữa” riêng dẫn kinh để giải thích.
2. Lấy bốn chánh pháp nhiếp trì Thánh giáo.

A. Kinh thứ nhất: Thuyết minh thân tâm Viên ly dẫn Như thật giác.

B. Kinh thứ hai: Khéo tu Chỉ quán, Giác liễu sở tri.

C. Kinh thứ ba: Đăng trì, Đăng chí... trong Thiện xảo, văn phân ba đoạn:

1. Dẫn kinh đã nêu.
2. Hai chữ “lại nữa” giải thích bốn câu kinh.
3. Từ câu “làm sao để trụ” trở xuống, giải thích mười bốn câu.

“Kinh chính là Đăng ái” trở xuống, đặt thí dụ ngược lại Bất đẳng ái, làm một câu cho nên thành mười bốn câu. Từ câu “điều phục thiện” trở xuống là Hữu hạnh câu chấp và Pháp tánh câu chấp. Trong giải thích “Điều phục thiện”, hai câu văn nêu này không phải giải thích câu kinh. Trong bốn câu của nó, lấy Định tương đối làm bốn câu, Đăng trì của nó làm danh mục cho mười một loại. Không, Vô tướng v.v... vì tối thù thắng, duyên cảnh được khắp, cho nên riêng được tên đó. Tên Đăng chí cũng làm đề mục cho sáu loại, Thắng xứ và Biến xứ có thể thành Biến hoá. Diệt tận Đăng chí, chỉ là chỗ thành của Thánh, cho nên riêng được tên đó. Để làm hai câu riêng đầu trong câu chung, lược nêu Biến xứ làm ví dụ cho Thắng xứ và Diệt định, nêu Vô tướng định để hiển chỗ

thành Đẳng chí của các Định sinh, cũng nhập vào câu này. Năm Hiện kiến Đẳng chí, đáng lẽ cũng phải nói riêng, nhưng vì nghĩa hẹp và ẩn cho nên lược bỏ không nói. Ngoài ra đều căn cứ theo đây mà biết, cho nên dưới đây kết thúc nói “như vậy”. Trong chỗ nói Đẳng trì, Đẳng chí ở trước, tùy chỗ thích ứng của nó mà phải khéo kiến lập, trong đây từ chỗ thù thắng mà riêng nói về nó. Trong bốn câu thứ hai, chỉ làm hai câu đầu. “Đẳng trì thiện xảo và Phi đẳng chí thiện xảo”, là đối với Danh cú văn thân của Đẳng trì khéo biết sai biệt, không phải đối với Năng nhập Đẳng chí. “Tướng trạng của các Hành sai biệt...”, đây là nói Thiện xảo, ba tuệ làm tánh. Đẳng trì, trong luận này nói, lược có hai nghĩa:

1. Bình đẳng định làm Sở trì.
2. Hành giả làm Năng trì.

Ngã có thể trì bình đẳng các Định, cho nên gọi là Đẳng trì. Lại nữa, Sở thuyên định gọi đó là Đẳng, Năng thuyên định giáo gọi là Trì, giáo khéo trì định cho nên gọi là Đẳng trì. Đẳng chí, Sở nhập định gọi là Đẳng, trạng tướng các Hành của Năng nhập định gọi là Đẳng chí, vì có thể đạt đến Bình đẳng cho nên gọi là Đẳng chí. Chí, có nghĩa là đến, vì do Năng nhập mà đạt đến Bình đẳng. Lại nữa, Sở nhập định gọi là Đẳng, Chí nghĩa là Như thường, giải thích do Đẳng trì và Đẳng chí này, mỗi mỗi đều có hai nghĩa, bốn câu này tương đối bất đồng. Trong đây câu thứ nhất, là Định giáo làm Đẳng trì, trạng tướng các Hành của Năng nhập định gọi là Đẳng chí. Câu thứ hai lấy trạng tướng các Hành của Năng nhập đẳng chí và Sở nhập định đồng thời gọi là Đẳng chí. Lấy “Thuyên định giáo có thể nhập Hạnh”, gọi là Năng trì. Từ câu “có chư Bồ-tát tuy có thể được nhập” trở xuống, là hiển Đẳng chí thiện xảo, không phải tướng của Đẳng trì, chỉ cho chư Bồ-tát hiểu rõ nghĩa đó. Từ câu “chưa từ nơi chư Phật nghe pháp...” trở xuống là giải thích Đẳng trì không phải Thiện xảo, có ba nghĩa:

1. Chưa từ chư Phật được nghe pháp.
2. Chưa đối với chỗ nghe của Bồ-tát thứ nhất.
3. Chưa tự chứng đắc Cứu cánh thứ nhất.

Đối với Định giáo không thể khéo hiểu biết. Một chữ “chưa” nói trên, dưới đây thông suốt luôn ba chỗ. “Đối với Bất định địa, Phân biệt là chỗ nhiếp của Thể tướng”, là Tán cảnh. Đây là các Địa không đồng loại pháp, cho nên tư duy Tán cảnh gọi là xuất Định. “Sở tác của Định, là ẩm thực...”, đây là Tác sự phải làm khi xuất Định, vì đến lúc này phải xuất Định. “Tướng Sở duyên, là Thể phân biệt, do duyên Thể này mà có thể nhập các Định”, là các Hữu lậu đều gọi là Phân biệt, cho nên Sở

duyên của Định gọi là Phân biệt, là Thể tướng phần, lia Kiến thì không có riêng tánh, hoặc Sở duyên này lấy Phân biệt trong năm pháp, Thể của tướng Sở hiện làm tướng Sở duyên. Tại sao sự dẫn phát cho rằng có thể lược nhiếp rộng nghĩa của các văn cú? Đây là do lực của Văn trì (nghe và thọ trì) nhiếp rộng các văn nghĩa. Tại sao Đẳng ái là Tàm quý Ái kính...? Đây là trước khi Định, khởi mười hai loại pháp là Tàm, Quý, Ái, Kính, Tín, cho đến thứ mười hai là Lạc, lấy đây làm Phương tiện thì tâm liền được định, đối với mười hai loại pháp này mà Bình đẳng ái, cho nên gọi là Đẳng ái.

D. Kinh thứ tư: Trong kinh Phân Biệt Tĩnh Lự, văn có bốn đoạn:

1. Dẫn kinh đã nêu.
2. Lược giải thích bốn Chuyển.
3. Rộng giải thích tướng.
4. Kết thành. “Trong đây phải biết bốn Chuyển có hai thời điên đảo...”. Bốn Chuyển gồm:

1. Khi Hữu lậu tam-ma-địa tiến thú thì điên đảo.
2. Khi Hữu lậu định tiến thú thì điên đảo.
3. Khi Hữu lậu định đang thoái thất thì không điên đảo.
4. Khi Vô lậu định đang tiến thì không điên đảo.

Hoặc hai Chuyển trên đối với tiến mà là thoái, thì gọi là điên đảo. Hai Chuyển đầu khi Hữu lậu định tiến thì là thoái, hai Chuyển sau khi Vô lậu định tiến thì là thoái, cho nên đều gọi là điên đảo. Luận nói “Chuyển thứ hai khi Tam-ma-địa thoái thì điên đảo”, là tu tiến Vô lậu, khi thoái đến Hữu lậu là điên đảo. Hai Chuyển sau khi thoái, là thoái, gọi là không điên đảo. Chuyển thứ nhất đối với Hữu lậu định, khi thật thoái thì là thoái. Chuyển sau đối với Vô lậu định, khi Hữu lậu thoái thì là thoái. Trong “khi Hữu lậu định thoái thì là thoái”, văn có ba chữ “lại nữa”:

1. Do Ái vị cho nên thoái.
2. Do Mạn và hỷ cho nên thoái.
3. Do Tham và Cuống cho nên thoái.

“Không điên đảo thứ hai ngược lại Không điên đảo thứ nhất, phải biết tướng của nó”, là đặc Vô lậu định. Khi Hữu lậu định sắp mất thì biết như thật là thoái, gọi đó là Không điên đảo, Không điên đảo thứ ba khi thoái thì biết là thoái, Không điên đảo thứ tư khi Vô lậu tiến thì biết là Hữu lậu thoái. “Thứ tư và thứ hai trong đây có sai biệt”, là trước tu Phương tiện vô lậu cũng chưa chứng đắc, là thoái lui Định đã từng đắc, Chuyển thứ tư này khi đang đắc thì Vô lậu và Hữu lậu không hiện hành,

thì đó là thoái, cho nên trở thành sai biệt.

E. Kinh thứ năm: Trong kinh Phân Biệt Tứ Liễm Hạnh, văn có ba đoạn:

1. Dẫn kinh đã nêu.
2. Lược hiển tướng của Liễm hạnh.
3. Rộng hiển thị Sở liễm hạnh, tức là bốn phần Tịnh định làm Liễm hạnh, có thể thúc liễm quán sát ngay ba Tuệ. Đây là một người tu đủ bốn loại.

F. Kinh thứ sáu: Trong kinh Sáu Cảnh Bất Thọ Tướng Vô Tướng, văn có hai đoạn:

1. Đoạn văn kinh.
2. Giải thích riêng. “Đối với các pháp này hoặc Thật hoặc Hữu đều không lãnh thọ”, là không thọ Cảnh tự tướng. “Cũng không thọ Tướng”, là cũng không thọ Tướng của sáu Cảnh.  
“Huống chi Vô tướng”, là cũng không thọ Vô tướng kia. Dưới đây giải thích có ba đoạn:

1. Không có Nhân tướng là giải thích cũng không thọ đối với Tướng.

2. Không thọ Tự tướng là giải thích đều không lãnh thọ.

3. Không thọ Vô tướng là giải thích câu “huống chi Vô tướng”.

“Do chán hoại cho nên uy thế choáng mát, cho đến có thể có Tướng đó”, là Vô lậu định. Niệm tư duy chán hoại mà đối với Nhân... không có sự gì để tướng, chỉ có các lý tướng của bốn Đế đấy khởi. Không thọ Vô tướng, là Tướng và Vô tướng đều không thọ, vì không tư duy tất cả tướng. Hữu tướng và Không tướng đều không thọ, cho nên trong Diệt tận Chân như lý tư duy Tịch tĩnh. “Trong đây có ý nói lìa các Tướng tướng gọi là Vô tướng”, là khi Vô phân biệt trí chứng Chân như thì các tướng Khổ lạc... cũng đều lìa, Tướng và Vô tướng tất cả đều thoát khỏi, cho nên lìa Tướng tướng gọi là Vô tướng.

G. Kinh thứ bảy: Trong giải thích kinh Bốn Thú Đạo, văn có ba đoạn:

1. Nêu.
2. Giải thích.
3. Hiển bày sai biệt.

Thứ nhất là chỉ có Hữu lậu nương vào Định mà dẫn khởi Vô lậu đạo. Thứ hai là nương vào Định mà khởi Tuệ. Thứ ba là nương vào Hữu lậu và Vô lậu mà khởi Định và Tuệ. Thứ tư là trước hết nương vào Định khởi Tuệ, sau đó nương vào Tuệ khởi Định. Thứ hai và thứ ba thông với

Hữu lậu và Vô lậu. Thứ tư cũng vậy, vì đồng thời dẫn Kiến đạo, Tu đạo và Vô học đạo.

H. Kinh thứ tám: Trong giải thích kinh Tứ Tịnh Thắng, văn có ba đoạn:

1. Nêu kinh Tịnh Thắng.
2. Giải thích nghĩa Tịnh thắng.
3. Giải thích bốn Tịnh thắng tướng.

“Là Sở đắc, Sở chứng, Sở dẫn giới...”, Sở đắc, hoặc là pháp viên mãn. Sở chứng, hoặc là pháp nhiếp thọ. Sở dẫn giới..., là phát động tinh tấn, chưa viên mãn thì khiến cho viên mãn. Bốn Tịnh thắng gồm: Thi-la, Tam-ma-địa, Kiến và Giải thoát.

Trong đây, câu “Sở đắc, Sở chứng, Sở dẫn giới...”, đều thông với bốn Tịnh thắng. Đoạn văn “viên mãn nhiếp thọ” trở xuống, là đoạn văn giải thích phát động tinh tấn, chưa đủ đây thì khiến cho đủ đây. Thể của Sở dẫn giới, Định, Kiến, Giải thoát, không có văn giải thích. Lại nữa, Sở đắc là Giới, Sở chứng là Định và Kiến, Sở dẫn là Giải thoát. Giới v.v... là muốn nói thêm Định, Kiến và Giải thoát, để lần hiển thêm Sở đắc, Sở chứng, Sở dẫn. Dưới đây có câu hỏi “tại sao”. Một câu thứ nhất là Giới. Đẳng trì, Kiến và Giải thoát của nó, mỗi mỗi đều có hai câu “tại sao”, tùy chỗ thích ứng mà phối hợp giải thích. “Tuy trụ Cụ giới... bốn câu và sáu chi”, như trong Thanh văn địa có nói rộng. Hai loại Giới và Định, tại Dị sinh vị gọi là viên mãn, đắc Thánh vị của nó thì gọi là Nhiếp thọ. Kiến tại Dị sinh vị thì gọi là chưa viên mãn, nhập Thánh vị thì gọi là viên mãn. Vô học vị luận Nhiếp thọ, giải thoát tại Hữu học vị thì gọi là chưa viên mãn, tại Vô học vị thì gọi là viên mãn. Không có thời nào giải thoát thì gọi là Nhiếp Thọ, chỗ đắc Trạch diệt do giải thoát Định chướng và Sự chướng thì gọi là Giải thoát.

I. Kinh thứ chín: Trong giải thích kinh Tâm Thanh Tịnh Hạnh Bí-Sô Tư Duy Năm Tướng, văn có năm đoạn:

1. Dẫn kinh đã nêu.
2. Giải thích hạnh Thanh tịnh.
3. Thuyết minh Hạnh chướng.
4. Giải thích riêng năm tướng của Tư duy.
5. Kết thành.

Chướng, tức là các thứ bất thiện Dục, Khuể, Hại, Tầm. Bất tử tầm của thân thuộc xóm làng là chỗ đã từng trải qua Lạc... bảy thứ Tầm tư, đều làm Thể của Chướng.

Trong giải thích riêng năm Tướng, văn có hai đoạn:

1. Tổng nêu ba phẩm Tâm tư sai biệt thành năm Tướng.
2. Giải thích riêng năm Tướng.

Nhuyễn phẩm Tâm tư hạnh thứ nhất, là tư duy tướng chắc thật của nhân quả, khiến cho bảy loại Tâm diệt mất. Y theo trung phẩm Tâm tư, phân thành hai loại:

- a. Quá hoạn của Kiến tâm tư.
- b. Không nhớ nghĩ tư duy khiến cho bảy loại Tâm diệt mất.

Y theo thượng phẩm Tâm tư, cũng phân thành hai loại:

- a. Không phải ban đầu, tức là khiến cho tất cả không hiện hành, phải tạo phương tiện để chiết phục dần dần.
- b. Nếu chưa chế phục được thì liền sinh chán sợ, vì phần nhiều là tư duy để khiến cho bảy Tâm diệt.

J. Kinh thứ mười: Trong kinh Đãng Trần (Rửa Bụi), văn có ba đoạn:

1. Dẫn kinh để hỏi.
2. Giải thích ba thứ đào luyện
3. Nêu pháp kết hợp.

Từ câu “như chỗ có vàng thô bên trong tánh của vàng” trở xuống, là phát tâm xuất gia, gọi là Đào luyện thứ nhất, tại Tư lương đạo vị đắc Tĩnh lực... là Đào luyện thứ hai, đã nhập Thánh vị rồi, là Đào luyện thứ ba, cho nên luận nói không bị Hữu hành câu chấp. Y theo Tuệ căn chế phục, khiến cho căn tánh hiển hiện, căn trừ phiền não mà lập tên là Đào luyện.

K. Kinh thứ mười một: Trong giải thích kinh Ba Tướng Tư Duy, văn có ba đoạn:

1. Dẫn kinh đã nêu.
  2. Giải thích ba Tướng.
  3. Kết thành sai biệt.
- Ba tướng gồm: Chỉ, Cử (Quán) và Xả.

Xưa nay tu Chỉ cử là tại Định gia hạnh, đối với duyên khởi... mà tư duy chọn lựa không đúng đắn, vì không suy nghĩ chọn lựa cho nên tâm không chánh định, không thể Hiện quán, không diệt tận các Lưu để thành A-la-hán. Niệm tư duy buông xả, tư duy Duyên khởi cho đến Lưu tận, thì Đạo thành mãn.

Mười một đoạn trên là riêng dẫn kinh để giải thích. Dưới đây một chữ “lại nữa”, lấy bốn chánh pháp nhiếp trì Thánh giáo, có ba đoạn:

1. Nêu.
2. Trình bày.

### 3. Giải thích.

Viễn ly, là nhập Xứ sở của Định. Tu tập, là chỗ tu Định tuệ. Tu quả, là chỗ chứng đắc giải thoát, chỗ lìa hai quả chướng Hữu vi và Vô vi. Từ câu “đã tu tập Xa-ma-tha...” trở xuống là giải thích Tu quả thứ ba này. Không chống trái, là hành thiện, thuận theo Giáo, trợ giúp thiện, thuận với sư trưởng, cho nên khéo khế hợp với Lý, Tông và Giáo không trái nghịch nhau, gọi là không chống trái. Hoặc nói nghĩa hoặc câu hoặc văn không nói tên, là nêu ra phần đầu và phần cuối thông với phần giữa. “Câu thứ nhất, là chỗ gọi câu trước cho đến lấy ngay câu này mà hỏi câu thứ hai...”, đây là lược thuyết minh đối với câu bình đẳng thãm nhuần. Câu trước, là câu thứ nhất, như “Tôn giả A-Nan, trong năm trăm Bí-sô”, lấy câu thứ nhất này hỏi một Tỳ-kheo, lại lấy câu thứ nhất này hỏi Tỳ-kheo thứ hai, cho đến năm trăm Tỳ-kheo, các Tỳ-kheo đều đáp: “Đúng vậy, đúng vậy”. Như vậy mới gọi là sư đệ, nghĩa lý không trái nhau, bình đẳng thãm nhuần, lẫn nhau tùy thuận, vì câu và nghĩa đồng nhau. Sư với đệ đồng, giáo với giáo đồng, nghĩa với nghĩa đồng, hạnh với giáo đồng, đều căn cứ theo đó mà biết. Nếu đối với câu thứ nhất y theo Uẩn mà hỏi, cho đến không được gọi là lẫn nhau tùy thuận, thì đây là hiển thị ngược lại. Nếu thêm một câu khéo léo thứ nhất y theo Uẩn mà hỏi, thì e rằng có câu thứ hai. Đồng loại Hạnh, nhưng không giải thích nghĩa chỗ hỏi ở trước, cho nên lấy câu hỏi khác, y theo câu hỏi đã khác, cho nên câu và nghĩa liền sai biệt. Tại sao được gọi là bình đẳng thãm nhuần? Vì quả chứng của hành giả thứ nhất và thứ hai đã đồng, câu nghĩa có biết và không biết, hỏi sư đệ khác thì giáo nghĩa tương phản bất đồng, cho nên không phải bình đẳng thãm nhuần tùy thuận, vì sự chứng kiến của Phật và đệ tử đều đồng nhau. Giáo và nghĩa, sư và đệ không trái nghịch lẫn nhau, kiến giải của ngoại đạo thì khác nhau và lẫn lộn chống trái nhau, không phải trong Cảnh dụng của Tam-ma-tư-địa.

Trên đã giải thích Đẳng dẫn vị, dưới đây giải thích Phi đẳng dẫn vị. Giải thích luận rằng: “Ngược lại với trước thì dễ hiểu, vì Thể tức là toàn cõi Dục, tất cả Tấn pháp trong hai Địa trên”. Nhưng xét ý văn của luận này, trong mười hai Bất định, là ba loại Bất định thứ bảy, thứ chín và thứ mười. Địa là Tác ý thứ sáu và Tác ý thứ bảy của cõi trên, Tác ý thứ tám là Nhiễm pháp của cõi trên, Địa này không chỉ trái với Địa trước, cũng thông với tất cả pháp của hai cõi trên, văn phân hai đoạn:

1. Hỏi để phát khởi.
2. Tùy giải thích riêng.

Trong mười hai loại này, Quyết Trạch phần quyển 63 rộng nói nguyên nhân Sai biệt và Kiến lập, cho rằng y theo Bất định địa thứ nhất, đối với An trụ tâm, phải chánh nắm lấy tướng, là các tướng xanh, sinh..., đây là nói tánh Bất định của năm Thức, đối với Cảnh dong đuổi mà Tham v.v... sinh khởi, vì ngăn dứt nó cho nên quán xanh, sinh... mà an trụ tâm. Ngay nghĩa này Ấn Độ có hai thuyết:

1. Năm Thức chỉ là Hữu lậu, vì tánh Bất định, Tánh tán loạn, nói mười lăm cõi chỉ có Hữu lậu. Thành sở tác trí, hoặc là Thức thứ sáu, hoặc là Thức thứ bảy.

2. Y theo chư Nhị thừa Di sinh, nói mười lăm cõi Hữu lậu, tự tánh Bất định, không phải y theo các vị khác, trong đó có nói Thành sở tác trí là Tu đạo của Bồ-tát hiện tiền, có nói Phật địa mới bắt đầu khởi. Như Duy Thức quyển 10, Phật Địa quyển 4... giải thích hoặc có thiếu Khinh an gọi là Phi định địa, là trối buộc Tâm và Tâm sở... của cõi Dục. Quyển 63 ghi: “Nương tựa vào đây vì đắc Tác ý, nên cần siêng tu tập”. Câu này có ý nói, để đắc Tác ý của cõi trên thì phải nên cần siêng tu tập thiện tâm của cõi Dục, hoặc chán thiếu Khinh an và Tán địa của cõi Dục, để đắc Khinh an địa của cõi trên, Tác ý phải siêng cần tu tập. Duy Thức quyển 2 ghi: “Có nghĩa là cõi Dục không có Khinh an”. Có thể lấy văn này làm chứng.

Nói rằng: “Mười một Thiện thông với tất cả Địa”, là thông với Hữu tâm tứ địa... vì cả ba Địa đều có”, có nghĩa là cõi Dục cũng có Khinh an, Định gia hạnh của Khinh an kia cũng đắc Định địa, vì Khinh an kia cũng có vi tế điều hoà thông suốt. Trừ Định gia hạnh ra, các tâm cõi Dục còn lại đều là thiếu Khinh an, gọi là Bất định địa, không phải tất cả đều không có. Nói mười một Thiện thông với tất cả Địa, tức là thông với chín Địa. Còn lại mười là Bất định địa, như quyển 63 giải thích.

Hữu tâm địa và Vô tâm địa là chín Địa đầu, trong ba Thừa cảnh phân làm bốn Địa, hai Địa trong đây đoạn thứ tư đã phân rõ Cảnh vị, vì hai vị Hữu tâm và Vô tâm của sáu Thức riêng khác, văn phân hai đoạn:

1. Hỏi để nêu năm môn.
2. Tùy giải thích riêng.

Trong kiến lập Địa, “chỉ nương vào năm Địa đầu mà phân rõ Địa kiến lập, không phải nương vào các Địa khác”, là chỉ nương vào Thể của Địa. Hữu danh hữu tâm và Vô danh vô tâm của năm Thức Ý địa, phân rõ Hữu tâm và Vô tâm, tướng cũng chưa hiển hiện, chưa biết chín Địa do chỗ nào làm thành nghĩa? Nêu ra Thể tánh của Địa, đối với Hữu



tâm tứ Địa trong ba tướng, lấy phân rõ Hữu tâm và Vô tâm, thì liền biết hai vị của chín Địa sai biệt, cũng biết Định địa và Phi định địa những gì là Hữu tâm và những gì là Vô tâm. Do đó lại càng không cần nương vào Định địa và Phi định địa để phân rõ Hữu tâm và Vô tâm. Sáu Địa của ba Thừa và ba Tuệ, các Hành hữu tâm và Vô tâm riêng khác, không ngoài Hữu dư y và Vô dư y của môn trước.

Trong môn thứ tư và môn thứ năm này, phân rõ Hữu tâm Vô tâm không phải Hữu thân vị, vì Hữu tâm và Vô tâm riêng khác. Hữu tâm và Vô tâm chỉ nương trong năm Địa. Trong Hữu tâm hữu tứ địa không có tâm Thuỳ miên, tâm muộn tuyệt, không gọi là Vô tâm địa”, vì Thuỳ miên và Muộn tuyệt là Vô tâm bất định trong Vô tâm vô tứ địa. Vô tướng định... là Định vô tâm. Lại nữa, Thuỳ miên và Muộn tuyệt nương vào Thức chủ mà gọi là Hữu tâm địa. Vô tướng định... nương vào Thức khách mà gọi là Vô tâm địa, vì lược lấy bóng mà nói. Lại nữa, y theo Tỳ chuyển lý môn để phân rõ Vô tâm, Tát-bà-đa ghi: “Muộn tuyệt là Hữu tâm”. Nhưng Quyết Trạch phần lại nương vào năm nghĩa để phân rõ Hữu tâm địa, từ bảy loại nhân để phân rõ Vô tâm địa, chỉ nương vào Thể của Địa để phân rõ Hữu tâm, nương vào Sinh thứ ba này cùng với Bất sinh kiến lập Vô tâm. Quyết Trạch phần kia nói bảy nhân, luận này nói tám nhân, luận này thì khai mở Căn và Cảnh, luận kia thì hợp chung gọi là Duyên, thiếu tám nhân duyên của nó, như quyển 63 giải thích: “Hỏi: Nếu thừa nhận Nhị thừa nhập Vô dư y, tại sao không thừa nhận chúng sinh giới giảm, mà kinh nói chúng sinh giới không tăng không giảm? Đáp: Như biển rộng vô biên, trừ bỏ một giọt nước thì không phải là tăng hay giảm”. Trong biển sinh tử, thì điều này cũng vậy. Lại nữa, trong kinh Thượng Vô Y ghi: “Chúng sinh giới, là Như Lai tạng tánh, chúng sinh tuy có nhập Vô dư y, nhưng Như Lai tạng tánh kia không tăng không giảm”. Do đó kinh ấy ghi: “A-Nan, Như Lai giới đó vô lượng vô biên, làm chỗ ẩn tàng của phiền não trần, theo dòng sinh tử vô thủ luân chuyển, đối với nghĩa này Ta gọi là chúng sinh giới”. Nếu y theo nghĩa này thì chân làm tánh của vọng, vọng y theo chân mà lập, vọng tuy có khởi có diệt, nhưng chân thì không có tăng hay giảm. Lại nữa, kinh Lăng-Già ghi: “Chư Thanh văn trải qua nhiều kiếp nhập Niết-bàn giới, đam mê rượu Tam-muội, thời gian dài nằm say”. Sau thì từ đó mà đứng dậy. Nhiếp Đại thừa ghi: “Hóa làm Thanh văn, không phải thật như vậy, cho nên thân tâm của Vô dư y đều diệt”.

## VĂN SỞ THÀNH ĐỊA THỨ 10.

Chín Địa của cõi trên, phân rõ Cảnh ba Thừa. Từ đây trở xuống sáu Địa, phân rõ Hạnh của ba Thừa, ba Địa đầu là Hạnh chung, ba Thừa đều có thể tu Tam tuệ, ba Địa sau là Hạnh riêng, ứng cơ tùy pháp mà thành Tự thừa. Lại nữa, ba Địa đầu là Phương tiện hạnh, ba Địa sau là Căn bản hạnh. Lại nữa, ba Địa đầu là Sở học hạnh, ba Địa sau là Sở thành hạnh. Văn, là Văn tuệ, vì Văn duyên theo Giáo, lấy đây làm nhân để thành tựu các pháp, gọi là Văn sở thành, tức là lấy Tuệ của Văn kia và pháp tương ứng gồm chung làm Sở duyên của Văn; hoặc văn, hoặc nghĩa, gồm chung quả Sở đắc làm Thể của Địa này. Trong Tác ý ở trước, nghe chỉ duyên với pháp, là ít duyên với nghĩa. Văn của Địa này phân làm ba đoạn:

1. Kết thành câu hỏi ở trước, sau đó nêu để khởi đầu luận.
2. Hỏi để trình bày tên của năm Minh xứ.
3. Tùy giải thích riêng.

“Là nếu lược nói năm Minh xứ cho đến đọc tụng nhớ thuộc”, câu này có hai giải thích, đây là hiển ra năm Minh giáo, chỗ sinh Văn tuệ:

1. Lấy Giác tuệ làm cái nghe trước, sau đó Ý địa lãnh thọ đọc tụng và nhớ... mới là Văn tuệ. Năm Thức của nó là Giác tuệ ban đầu gồm chung với nghe, và câu Ý thức nghe đọc tụng là Sinh đắc tuệ, vì chưa hiểu rõ.

2. “Giác tuệ làm cái nghe trước”, là Sinh đắc tuệ.

Hoặc lắng nghe, hoặc nghe, hoặc lãnh thọ, hoặc đọc tụng, hoặc nhớ thuộc, đều là Văn tuệ. Năm Thức đồng thời tuy không phải Chánh văn tuệ, nhưng là chỗ dẫn phát từ Văn tuệ phương tiện của Ý địa. “Nhân theo Văn mà thành tâm hiểu rõ”, cũng là Văn tuệ. Nếu tuy Ý địa lãnh thọ, đọc tụng... mà không hiểu rõ, đều là Sinh đắc tuệ.

Lại nữa, “Không điên đảo hiểu rõ trong y chỉ nghĩa của Danh thân, Cú thân, Văn thân”, là đối với nghĩa của năm Minh xứ, Giác tuệ làm chỗ khởi Văn tuệ trước.

Trong đoạn thứ ba giải thích riêng năm Minh xứ, trước hết phân rõ nội Minh xứ, văn có hai đoạn:

1. Nêu bốn môn.
2. Tùy giải thích riêng.

Bốn môn:

a. Sự thi thiết, là ba Tạng xứng với Sự thi thiết mà kiến lập. Sự, là sự nghĩa, là nghĩa sai biệt của kinh luận, cũng là Thể sự của nghĩa

Sở thuyên sở y, cho nên lập tên là Sự.

b. Tưởng thi thiết sai biệt, là Danh năng thuyên, vì Danh cú văn đều lấy Tưởng mà sinh cho nên Danh xứng với Tưởng. Lại nữa, Hồ danh của Tây vực phần nhiều lấy Hồ làm Tưởng. Lại nữa, Danh cú... không có Thể, tùy theo âm thanh mà giả lập, tùy theo Tưởng của nó mà hiểu, gọi là Năng thuyên, cho nên Danh cú... xứng với nó là Tưởng.

3. Nhiếp nghĩa tướng của Thánh giáo, là Nghĩa sở thuyên của bậc Thánh giáo, có thể nhiếp Thánh giáo.

4. Do “chỗ phải biết Xứ tướng” của Phật giáo, là từ hai số mà Sự sở thuyên của lời Phật dạy tăng thêm, cho đến mười loại Sự sở thuyên của lời Phật dạy, gọi là chỗ phải biết Xứ tướng của lời Phật dạy.

Môn thứ ba lấy Lý nhiếp Giáo, môn thứ tư lấy Giáo hiển Lý. Tố-đát-lãm là Khế kinh; Tỳ-nại-da là Điều phục; Ma-đát-lý-ca là Bốn mẫu, tập hợp nghĩa của các kinh, luận bàn thuyết minh, sinh ra Nghĩa sở thuyên riêng biệt của các kinh, gọi là Bốn mẫu, tức Cựu dịch gọi là Tu-đa-la, Tỳ-ni, Ma-đắc-cần-già.

Trong Tưởng sai biệt, có bốn Ôn-đà-nam. Ôn-đà-nam thứ nhất có mười hai môn; Ôn-đà-nam thứ hai có mười bốn môn; Ôn-đà-nam thứ ba có chín môn; Ôn-đà-nam thứ tư có mười môn.

“Cú là sáu Nội xứ...”, Tự tánh của Thuyên pháp gọi là Danh, Thuyên pháp sai biệt gọi là Cú. Thuyên pháp sai biệt của luận này gọi là Cú, lấy rộng nhiếp hẹp, Danh trong đó có vô lượng cảnh giới, vì tại mười phương Xứ xứ, thời gian ba đời, đều là Ngôn vô lượng.

Trong bốn Chúng, chỉ thuyết minh bốn Chúng của nam tử, không có Ổ-ba-tư-ca. Lại nữa, Ổ-ba-tư-ca là chỗ nhiếp của Tố-ca, đều từ trong giới của tại gia làm tánh, riêng tách rời ra.

Ba mươi bảy Đạo phẩm, bốn quả Sa-môn, sáu Thần thông... như trong Thanh văn địa nói. Năm Sự của Đại thừa, bốn Tâm tư, bốn Như thật trí, ba Tánh, ba Vô tánh, như Quyết Trạch phần giải thích. Bốn Chân thật, năm Chứng Đại thừa, năm Vô lượng bất tư nghì uy đức thắng giải... như Bồ-tát địa giải thích. Sáu Cảnh nội xứ giới trở xuống, có mười bốn môn pháp gọi là Thanh văn địa pháp. Năm Sự Đại thừa trở xuống có mười bốn môn công đức, gọi là Đại thừa pháp. “Bổ-đặc-già-la Không, Bổ-đặc-già-la Vô ngã, pháp Không tánh, pháp Vô ngã, có sai biệt”, Không là Sở không; Tự tánh Vô ngã là không có nghĩa dụng và sai biệt. Lại nữa, Không là lý của Nhị không, Vô ngã là Sở chấp, hoặc ngược lại đây mà nói cho nên có hai loại sai biệt.

Trong năm tướng của đại Bồ-đề, Tự tánh như Hiển Dương luận

quyển 8 ghi: “Vượt hơn Thế chuyển y mà Nhị thừa chứng đắc”. Công năng là mười Tự tại:

1. Thọ.
2. Tâm.
3. Chúng cụ.
4. Nghiệp.
5. Sinh.
6. Nguyện.
7. Thắng giải.
8. Thần lực.
9. Trí.
10. Pháp”.

Phương tiện, là bốn loại Biến hoá:

1. Hiện biến hóa của Bồ-tát hạnh, hóa độ người căn chưa thuần thực.
2. Hiện biến hóa của Như Lai, hóa độ người căn đã thuần thực.
3. Hiện biến hóa nhiếp Thanh văn.
4. Hiện biến hóa điều phục Độc giác.

Chuyển, có hai thứ:

1. Tạm thời chuyển, là đối với chư hữu tình chưa giải thoát, thành Như Lai mà giáo hóa chuyển biến không ngơi nghỉ.
2. Cứu cánh chuyển, là công đức của Phật khó nghĩ bàn, vì chư hữu tình mà làm sự lợi ích, chuyển biến không ngơi nghỉ.

Hoàn (trở về), theo luận kia thì gọi là Diệt, là Hoàn Niết-bàn. Luận này cũng có hai loại:

1. Tạm thời hoàn, đối với chư hữu tình đã giải thoát, Phật tạm thời thị hiện nhập Bát Niết-bàn.
2. Cứu cánh hoàn, là tập khí phiền não và các khổ vĩnh viễn diệt.

Trong năm chủng Đại thừa, Hiền Dương luận quyển 8 ghi: “Chủng tử, tức là chủng tánh phẩm của Bồ-đề địa. Thú nhập, tức là phát tâm phẩm. Thứ đệ, tức là Trụ phẩm. Chánh hạnh, tức là các phẩm còn lại. Chánh hạnh quả, tức là Kiến lập phẩm của Đại Niết-bàn. Tối sơ phát tâm, là tâm Bồ-đề, vì có Chủng tử bi mẫn hữu tình, là thú nhập Bồ-đề Ba-la-mật-đa, đó là bốn thứ lớp của các Địa. Nhiếp các sự của chúng sinh, là chánh hạnh của Đại thừa. Tự tha tương tục thành thực, đó là Chánh hạnh quả. Quả Nhị lợi tự tha viên mãn, là đức của Phật. Lại nữa, tối sơ, là Chủng tử. Phát tâm, là Thú nhập. Bi mẫn hữu tình, là Thứ đệ.

Ba-la-mật-đa nhiếp các sự của chúng sinh Sự, tức là Chánh hạnh. Tự Tha tương tục thành tựu, là Chánh hạnh quả. Đây là hiển Bồ-tát địa phối hợp theo Phẩm mà giải thích.

Đoạn văn này có bảy Thức trụ, như quyển thứ nhất giải thích, quyển 14 tự có văn giải thích.

Trong Giả thi thiết:

1. Đối với pháp mà giả lập hữu tình.

2. Y theo trên Tướng năng thủ Sở thủ của Viên thành mà giả lập các pháp.

“Thế nào là tư duy chọn lựa một Hạnh”? Đối Pháp luận quyển 15 ghi: “Là lấy một pháp cùng với các pháp khác, mỗi mỗi hỏi lẫn nhau, trừ một pháp này ra, lại lấy pháp thứ hai cùng với pháp khác hỏi lẫn nhau. Như vậy mỗi mỗi tất cả phải biết đều thuận với câu trước”, là trong các pháp, tùy lấy hai pháp, đặt câu hỏi lẫn nhau, nương vào pháp trước để đáp chỗ hỏi, lấy hẹp hỏi rộng, thuận với câu trước. Thuận với câu sau, tức là ngay hai pháp đó mà lần lượt hỏi nhau, nương vào câu hỏi sau mà đáp chỗ hỏi, lấy rộng hỏi hẹp, vì thuận với câu sau thì tất cả Thể hẹp chắc chắn liền rộng, tự có Thể rộng thì không phải là hẹp. Hoặc đối với chỗ hỏi mà ứng ra hai câu đáp, ứng ra ba câu đáp, ứng ra bốn câu đáp, trong đây theo Thể rộng để thuyết minh, chỉ nói bốn câu Thể có rộng và hẹp hoặc không đồng, nghĩa rộng hẹp đồng thì gọi là xứng với câu trần thuật có thể đáp được, nếu không như Lý thì gọi là Vô sự đáp, cũng gọi là Giá chỉ đáp (câu đáp ngăn cấm), hai mươi tám đôi hai môn, năm đôi ba môn... đều như Quyết Trạch phần quyển 65, 66, 67, 68... nói.

Bốn Hạnh tích pháp, là Khổ tức thông, hai đoạn văn không đồng, đến sau sẽ giải thích.

Bốn Pháp tích, là ba Học tích, tức là Vô tham, Chánh niệm và Chánh định. Ba loại hệ thuộc gồm:

1. Các Căn hệ thuộc lẫn nhau.

2. Thức và Căn hệ thuộc lẫn nhau.

3. Căn và Cảnh hệ thuộc lẫn nhau.

Mười sáu Chủng nhiếp, như trong Quyết Trạch phần quyển 54 và Đối Pháp quyển 5 nói.

Năm Tướng ứng, cũng như Đối Pháp quyển 5, Quyết Trạch phần quyển 54 nói.

Kiến văn giác tri, như Du-già quyển 3, 93, Đối Pháp quyển 1... giải thích nghĩa Kiến văn giác tri. Hiển Dương quyển 18 ghi: “Cõi Sắc

không có Giác, sau đó khởi ngôn thuyết, cõi Vô sắc đều không có Kiến văn giác tri”. Là vì sinh vào cõi đó thì không có các ngôn thuyết sau đó.

“Sáu chủng thứ đệ và Lưu chuyển thứ đệ”, là trẻ con mới sinh... mười thời Lưu chuyển thứ đệ, hoặc mười hai Nhân duyên lưu chuyển thứ đệ. “Thành sở tác thứ đệ”, là xuất gia thọ Cụ túc, tu bảy Phương tiện, đắc Kiến đạo... “Tuyên thuyết thứ đệ”, là bốn Chánh đoạn, trong một sát-na đầy đủ bốn công dụng của nó, lấy phân rõ thứ đệ không phải bốn Hiện hành trước sau có khác nhau, hoặc tuyên thuyết các pháp, nêu giải thích thứ đệ. “Sinh khởi thứ đệ”, là mười Thời phân, mầm cọng nhánh... sinh khởi thứ đệ. “Hiện quán thứ đệ”, là chân tướng Kiến đạo trước và sau, quyển 63... nói Hiện quán trước sau thứ đệ. “Đẳng chí”, là chín Thứ đệ định.

“Tám chủng Sở tác là y chỉ của một Diệt”, là cùng với Diệt ác làm y chỉ. Chuyển, là cùng với Thiện sinh làm y chỉ. Biến tri, là biết Thiện xấu, biết khắp các pháp duyên sinh của Khổ tập mà sinh chán lìa. Hỷ lạc, là Hỷ lạc diệt đạo.

“Sở duyên có bốn...”, Đối Pháp luận quyển 10 ghi:

1. Biến mãn sở duyên, có bốn là: Có phân biệt Ảnh tượng, không có phân biệt Ảnh tượng, Sự biên tế và Sở tác thành thực sở duyên.

2. Tịnh hạnh sở duyên, có năm là: Đa tham, Đa sân, Đa si, Kiêu mạn, Tầm tư, là năm thứ quán hạnh sai biệt. Thiện xảo sở duyên, có năm là: Uẩn, Giới xứ, Duyên khởi, Xứ phi xứ, Thiện xảo sở duyên.

3. Tịnh hoặc sở duyên, có ba là: Tướng thô tĩn..., Chân như, bốn Thánh đế.

Bốn loại và chín loại Du-già, sau đến Thanh văn địa, Đối Pháp luận quyển 9... nói Phương tiện Du-già, lấy Tác ý thắng giải tuệ làm tánh.

Ba Sự quán, nếu Hữu tướng là Sự sở duyên sự. Tầm tư là Sự năng duyên.

Bốn Hạnh quán, như Đối Pháp luận quyển 9 và Thanh văn địa nói.

Sáu Sự sai biệt sở duyên quán:

1. Nghĩa sai biệt của Khổ, Vô thường... trước Kiến đạo phương tiện.

2. Sự là tác dụng của các Sự, Hữu sinh của Tập, Hữu nhân của Khổ...

3. Tướng là Thể tướng của Diệt đế.

4. Phẩm là các phẩm thượng trung hạ của các pháp, hoặc Tam thừa Đạo đế, vì có Phẩm loại, kể đó ba loại trên tại Kiến đạo vị.

5. Thời là tại Tu đạo, và sau Kiến đạo mà khởi, hoặc quán ba đời.

6. Đạo lý là tại Vô học đạo, hoặc Sự là Uẩn giới xứ, Thời là ba đời, Đạo lý là bốn loại Đạo lý.

Năm loại Giáo thọ:

1. Giáo giáo thọ, là truyền dạy cho giáo pháp.

2. Chứng giáo thọ, là truyền dạy cho lý pháp.

3. Thứ đệ giáo thọ, là truyền dạy cho pháp môn Quán hạnh.

4. Không điên đảo giáo thọ là ba loại trên xứng với căn cơ không loạn.

5. Thần biến giáo thọ, là truyền dạy cho thần thông khiến cho hóa độ chúng sinh.

Nội minh xứ trong bốn loại Tướng, đoạn văn lớn thứ ba trong “thuyết minh tướng Nhiếp nghĩa của Thánh giáo”, có mười pháp năm đôi:

1. Năng tác sở tác.

2. Câu Thiện pháp, kể đó là tội lỗi nhiễm ô pháp của Khổ đế và Tập đế.

3. Hữu chứng hữu thuận là phiền não thiện pháp.

4. Hữu chân hữu thắng, các pháp Hữu lậu của Vô vi hữu vi.

5. Hữu thuận hữu đắc, là các pháp thế gian và xuất thế gian đáng tu tập, là thiện pháp nên đoạn, là nhiễm ô pháp đã đoạn rồi hiện hành, là Vô phú vô ký pháp.

Đoạn văn lớn thứ tư, thuyết minh tướng xứ nên biết của lời Phật dạy, có hai đoạn:

1. Tăng thêm mười pháp môn.

2. Kết.

Đoạn thứ nhất tức là mười đoạn. Đoạn thứ nhất thuyết minh ba môn, môn thứ nhất là hữu tình trụ, có ba phần, phải nương vào hữu tình mới có. Nhân quả, nhiễm tịnh, sinh tử Niết-bàn, Hữu vi, Vô vi... của tình và Phi tình tăng thêm hai môn để hiển rõ các pháp. Môn thứ nhất thuyết minh ba loại, một hữu tình tăng thêm và hai pháp môn, có hai mươi bốn đôi. “Tất cả kinh điển thâm sâu mà Thế Tôn điển nói”, là giải thích ba Tánh của thâm sâu để hiển rõ giáo, như Giải Thâm Mật v.v... ba tánh hiển rõ giáo. “Kinh tương tự thâm sâu không tương ứng”, là Bát-nhã... cùng với kiáo tham sâu này tương tự. Duyên tánh là tánh

Viên thành. Duyên khởi là tánh Y tha. “Lại có hai pháp có thể khiến cho hữu tình bên trong chân chánh tác ý, bên ngoài nghe âm thanh của người khác...”, đây là bên trong khởi Tác ý, bên ngoài nghe âm khác, là hai nhân duyên, vì do hai pháp khiến cho hai nhân duyên này hiện tại nhập Hiện quán, coi như các căn đã thuần thục.

-----